

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2026.

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Quách Minh Nhiên và bà Đinh Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Uyên - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 81/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **Số nhà I, xóm A, xã H, huyện P, TP Hà Nội (nay là thôn T, xã P, TP Hà Nội)**.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **Số nhà A, tổ A (phường H cũ), phường H, tỉnh Phú Thọ**.

(Chị **D** và anh **G** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn – chị **Lê Thị D** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị D** và anh **Nguyễn Trường G** tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2010 tại **UBND phường H, TP H, tỉnh Hòa Bình (nay là phường H, tỉnh Phú Thọ)**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh **G** tại **tổ A, phường H, TP H, tỉnh Hòa Bình**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, nguyên nhân mâu thuẫn là về kinh tế. Từ năm 2016, do kinh tế khó khăn nên hai vợ chồng anh chị thay nhau đi xuất khẩu lao động để kiếm tiền thu nhập. Vợ chồng xa cách, mỗi

người một nơi nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Sau đó, chị **D** chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã ly thân kéo dài nhiều năm. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, chị **D** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **G**.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Nguyễn Năng Tùng L**, sinh ngày 20/11/2010 và **Nguyễn Thục Q**, sinh ngày 15/3/2013. Khi ly hôn, chị **D** đề nghị giao con **Nguyễn Năng Tùng L** cho anh **G** trực tiếp nuôi dưỡng; Chị **D** đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con **Nguyễn Thục Q**.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, quan điểm của chị **D** là không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

- Về án phí ly hôn: Chị **Lê Thị Dung N** chịu toàn bộ án phí ly hôn.

*** Theo biên bản lấy lời khai phía bị đơn – anh **Nguyễn Trường G** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Lê Thị D** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại **UBND phường H, TP H, tỉnh Hòa Bình** (nay là phường H, tỉnh Phú Thọ) năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh **G** tại **tổ H, phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình** cũ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đi làm thường xuyên xa nhau nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ năm 2019 đến nay, chị **D** chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại **xã P, thành phố Hà Nội**. Nay chị **D** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh **G**, quan điểm của anh **G** đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Nguyễn Năng Tùng L**, sinh ngày 20/11/2010 và **Nguyễn Thục Q**, sinh ngày 15/3/2013. Khi ly hôn, anh **G** đồng ý giao con **Nguyễn Thục Q** cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con **Nguyễn Năng Tùng L** đến khi con trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, quan điểm của anh **G** đồng ý không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết anh **G** có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị **D** nhưng không đồng ý gặp chị **D** tại buổi hoà giải, đề nghị Tòa tiến hành giải quyết theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **D** ly hôn với anh **G**. Về con chung: có 02 con chung là **Nguyễn Năng Tùng L**, sinh ngày 20/11/2010 và **Nguyễn Thục Q**, sinh ngày 15/3/2013. Khi ly hôn, đề nghị giao con chung **Nguyễn Năng Tùng L** cho anh **G** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Giao con chung **Nguyễn Thục Q** cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh **Nguyễn Trường G** có đăng ký thường trú và nơi ở tại **tổ A (phường H cũ), phường H, tỉnh Phú Thọ**. **Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 328 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị D** và anh **Nguyễn Trường G** là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xác định là hôn nhân hợp pháp, được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về quan điểm, không có tiếng nói chung giữa hai bên liên quan về kinh tế, chung sống không hạnh phúc; Quá trình sau khi kết hôn, anh **G** và chị **D** thay nhau đi lao động xuất khẩu ở xa, vợ chồng

ngày càng xa cách. Phía bị đơn - anh **G** cũng xác nhận từ năm 2019 đến nay chị **D** về nhà bố mẹ để sinh sống, đã ly thân nhau nhiều năm, vợ chồng không còn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **D** và anh **G** đã ly thân kéo dài, cuộc sống chung thực tế không tồn tại, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị **D** là có căn cứ, phù hợp với thực tế mâu thuẫn vợ chồng, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị **Lê Thị D** và anh **Nguyễn Trường G** có 02 con chung là **Nguyễn Năng Tùng L**, sinh ngày 20/11/2010 và **Nguyễn Thực Q**, sinh ngày 15/3/2013. Khi ly hôn, chị **D** đề nghị giao con chung **Nguyễn Năng Tùng L** cho anh **G** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành; Giao con chung **Nguyễn Thực Q** cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng; Xét thấy hiện nay, cháu **L** đang sinh sống ổn định và do anh **G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Cháu **Q** đang sinh sống ổn định và do chị **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh **G** có quan điểm đồng ý với yêu cầu của chị **D** về việc nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung chưa thành niên, giao cháu **Nguyễn Năng Tùng L** cho anh **Nguyễn Trường G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu **Nguyễn Thực Q** cho chị **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đều thống nhất không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị **D** và anh **G** cùng có quan điểm vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

[4]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị **Lê Thị D**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị D** được ly hôn với anh **Nguyễn Trường G**.

- Về nuôi con chung: Chị **Lê Thị D** và anh **Nguyễn Trường G** có 02 con chung tên **Nguyễn Năng Tùng L**, sinh ngày 20/11/2010 và **Nguyễn Thục Q**, sinh ngày 15/3/2013. Khi ly hôn, giao con chung **Nguyễn Năng Tùng L** cho anh **Nguyễn Trường G** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung **Nguyễn Thục Q** cho chị **Lê Thị D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị **Lê Thị D** và anh **Nguyễn Trường G** có quyền thăm nom con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Chị **Lê Thị D** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số **0001765** ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND (phường Hữu Nghị cũ), phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Anh

